

**CÔNG TY TNHH SEN BÁCH DIỆP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SEN BÁCH DIỆP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SEN BACH DIEP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110691568

**3. Ngày thành lập:** 19/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Căn Sh12A, Tầng 1, 2 Tòa Century, Số 458 Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0938683222

Fax:

Email: [Info.senbachdiep@gmail.com](mailto:Info.senbachdiep@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác;<br>- Bán buôn hạt, quả có dầu;<br>- Bán buôn hoa và cây;<br>- Bán buôn hạt giống cây trồng; cây ăn quả ....<br>(Trừ động vật sống) | 4620     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                            | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác: Bán buôn thực phẩm chức năng; Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                     | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                          | 4633     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                       | 4649     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức, xúc tiến và quản lý sự kiện                                                                                                                                                                               | 8230     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                       | 8299     |
| 8.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                            | 8531     |
| 9.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                         | 8532     |
| 10. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                          | 8533     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn các lĩnh vực: Vật lý trị liệu, phục hồi chức năng, điều dưỡng, châm cứu, xoa bóp, day ấn huyệt, và các liệu trình chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền;</li> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</li> <li>- Hoạt động giáo dục đào tạo khác (Thời gian đào tạo dưới 3 tháng, đào tạo cho người trưởng thành)</li> <li>- Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm và kỹ năng dạy nghề</li> <li>- Đào tạo về sự sống</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng</li> <li>- Dạy máy tính.</li> </ul> | 8559        |
| 12. | <p>Hoạt động của các cơ sở thể thao</p> <p>Chi tiết: Sân golf, Sân tennis, Đường chơi bowling;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9311        |
| 13. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9321        |
| 14. | <p>Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền;</p> <p>- Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9329        |
| 15. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9610(Chính) |
| 16. | <p>Cắt tóc, làm đầu, gội đầu</p> <p>Chi tiết: - Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ;</p> <p>- Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9631        |
| 17. | <p>Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngâm tắm theo bài thuốc, vật lý trị liệu theo chỉ định của bác sĩ</li> <li>- Dịch vụ thủy trị liệu, dịch vụ tắm hơi</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9639        |
| 18. | <p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở</li> <li>- Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở</li> <li>- Kinh doanh bất động sản</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6810        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Môi giới bất động sản - Tư vấn bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6820 |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7020 |
| 21. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710 |
| 22. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4711 |
| 23. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                         | 4722 |
| 24. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ uống có cồn: Rượu mạnh, rượu vang, bia;<br>- Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: nước cam, chanh, nước quả khác...;<br>- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.<br>- Bán lẻ rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn. | 4723 |
| 25. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1075 |
| 26. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1079 |
| 27. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2023 |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4789 |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Loại trừ: Hoạt động bán đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4791 |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4931 |
| 31. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh :<br>Cho thuê xe chở khách có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch.                                                                                                                                                                                              | 4932 |
| 32. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5510 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                       | 5610 |
| 34. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                               | 5621 |
| 35. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                | 5630 |
| 36. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                         | 7730 |
| 37. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                              | 7810 |
| 38. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                             | 7820 |
| 39. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                         | 7911 |
| 40. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                  | 7912 |
| 41. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                    | 7990 |
| 42. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4772 |

6. **Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                            | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN TÁM    | Việt Nam  | Thôn Hán Nam, Xã Gia Tiến, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                               | 10.000.000            | 10,000    | 037088001310                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN THANH HÙNG | Việt Nam  | Số nhà 17 Ngách 3/29 Cù Chính Lan, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 90.000.000            | 90,000    | 001082044170                                                                                            |         |

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TÁM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/10/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037088001310

Ngày cấp: 10/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hán Nam, Xã Gia Tiến, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hán Nam, Xã Gia Tiến, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội